TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày 14 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dỉnh

Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/HSST-QĐ, ngày 19/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/HSST-QĐ, ngày 17/3/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lô Bích N** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1997; Nơi sinh: Tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản P, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lô Văn S - Sinh năm: 1972 và bà Vi Thị H - Sinh năm 1977; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 07/10/2019 thì bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Đoàn Nguyệt Như Y - Sinh năm: 1997; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 01/10/2019, bị cáo Lô Bích N và một số người khác đi hát Karaoke tại phòng 305, quán hát Karaoke Q7, thuộc tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, tổ công tác Công an

thành phố Đ làm nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện N giấu trong áo ngực đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong có 01 viên nén màu xám. Bị cáo khai nhận đó là viên ma túy (thuốc lắc) do chị Đoàn Nguyệt Như Y đưa cho N tại quán hát, mục đích để bị cáo sử dụng, việc Y đưa ma túy cho bị cáo không có ai biết hoặc chứng kiến. Tại giai đoạn điều tra chị Y khai, chị không đưa cho N bất cứ thứ gì, việc bị cáo N khai chị đưa cho bị cáo một túi nilon màu trắng trong có một viên ma túy (thuốc lắc) là không đúng và chị cũng không biết N giấu ma túy trong người.

Tại Bản kết luận giám định số 946/GĐ-PC09 ngày 06/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu M là chất ma túy, loại MDMA; khối lượng là 0,49 gam. MDMA nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 27, Mục IB, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại Bản cáo trạng số: 04/CT- VKSTPĐBP ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lô Bích N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,46g MDMA (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 túi nilon màu trắng trong suốt.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào hồi 23 giờ, ngày 01/10/2019, tại phòng 305, quán hát Karaoke Q7, thuộc tổ A, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên bị cáo Lô Bích N đã có hành cất giấu trái phép trên

người 0,49 gam MDMA với mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Tuy nhiên bị cáo còn trẻ tuổi, là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bản thân chưa vi phạm pháp luật lần nào, do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục và phòng ngừa tội phạm và cũng thể hiện được sự nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo ngoài 02 chiếc điện thoại di động và 6.280.000 đồng tiền mặt mà cơ quan công an đã tạm giữa và đã trả lại cho bị cáo thì bị cáo không có tài sản có giá trị nào khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị cáo khai viên ma túy mà bị cáo tàng trữ và bị thu giữ là do chị Đoàn Nguyệt Như Y đưa cho để bị cáo sử dụng nhưng bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình và không ai biết và chứng kiến việc chị Y đưa ma túy cho bị cáo. Tại giai đoạn điều tra chị Y khẳng định bản thân không đưa cho N bất cứ thứ gì. Việc bị cáo khai chị Y đưa ma túy

cho bị cáo là không có căn cứ. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để giải quyết trong vụ án.

[7] Về vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,46g MDMA (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 túi nilon màu trắng trong suốt.

Đối với 01 chiếc túi xách giả da màu đen; 01 chiếc diện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen bạc; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lô Bích N và 6.280.000 đồng là tài sản của bị cáo, bị cáo không sử dụng các tài sản trên vào việc phạm tội. Do các tài sản trên không liên quan đến vụ án, cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ căn cứ Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo (bị cáo ủy quyền cho bố là ông Lô Văn S nhận tài sản) là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

(Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26/12/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ với ông Lô Văn S).

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Lô Bích N, phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 02/10/2019).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,46g MDMA (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 túi nilon màu trắng trong suốt.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/12/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

Chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu tài sản là bị cáo Lô Bích N của cơ quan Cảnh sát điều tra, công an thành phố Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/4/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố Đ;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bằng

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**